

HOÀN THIỆN PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ TÀI SẢN DÀI HẠN CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC NÔNG LÂM NGHIỆP

Đào Lan Phương

ThS. Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Xác định giá trị doanh nghiệp trong đó có định giá tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn đóng vai trò quan trọng và quyết định sự thành công của công tác cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Thực tiễn trong thời gian vừa qua cho thấy quá trình áp dụng các phương pháp hiện hành để xác định giá trị tài sản trong các doanh nghiệp nông lâm nghiệp nhà nước đang gặp khá nhiều khó khăn, lúng túng. Một trong những khó khăn đó là do những tài sản này có những đặc thù riêng như thời gian hình thành tài sản kéo dài, chịu nhiều ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, nhiều tài sản cũ, lạc hậu, ... Thông qua việc nghiên cứu quá trình định giá tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn của doanh nghiệp nông lâm nghiệp theo Nghị định số 59/2011/NĐ - CP ngày 18/7/2011 của Chính Phủ tác giả đã chỉ ra những thành công, những tồn tại khó khăn trong công tác này và đưa ra một số ý kiến đề xuất góp phần hoàn thiện phương pháp và hoàn thiện việc vận dụng phương pháp xác định giá trị tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn trong các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực nông lâm nghiệp.

Từ khóa: *Doanh nghiệp nông lâm nghiệp, định giá, tài sản dài hạn, tài sản ngắn hạn*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Doanh nghiệp nhà nước trong nông lâm nghiệp có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Các doanh nghiệp đã có những đóng góp không chỉ về mặt giá trị kinh tế, mà quan trọng hơn là những giá trị về mặt xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng.... Tuy nhiên, đa số các doanh nghiệp nông lâm nghiệp ở nước ta hiện nay hoạt động không hiệu quả. Một trong những nguyên nhân là do các doanh nghiệp phải đáp ứng quá nhiều mục tiêu của Nhà nước, cơ chế quản lý, chính sách chưa phù hợp. Mặt khác, trong doanh nghiệp nông lâm nghiệp giá trị tài sản của doanh nghiệp chưa được xác định rõ ràng, chế độ phân phối thu nhập bất hợp lý, không phát huy được tính năng động, sáng tạo của người lao động. Cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước nói chung, cổ phần hóa các nông lâm trường quốc doanh nói riêng là một chủ trương đúng đắn của nhà nước nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Xác định giá trị doanh nghiệp không chỉ cần

thiết cho công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà với sự ra đời của thị trường chứng khoán, xác định giá trị doanh nghiệp sẽ là công việc thường xuyên diễn ra ở các doanh nghiệp. Do đó, nghiên cứu xác định giá trị doanh nghiệp là hết sức cần thiết, có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn đối với tiến trình đổi mới quản lý doanh nghiệp ở nước ta hiện nay cũng như trong tương lai.

Chính phủ ban hành Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 đã tháo gỡ một phần những khó khăn về phương pháp xác định giá trị cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp nông lâm nghiệp có những đặc thù riêng so với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thông thường nên đã gặp phải không ít những bất cập trong quá trình vận dụng đặc biệt là phương pháp xác định giá trị tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn. Vì vậy, việc nghiên cứu nhằm "Hoàn thiện phương pháp xác định giá trị tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn của doanh nghiệp nông lâm nghiệp nhà nước" là cần thiết với mục tiêu góp phần hoàn thiện phương pháp xác định giá trị doanh

ngành nhà nước trong nông lâm nghiệp phục vụ cho cổ phần hóa hiện nay.

II. MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu đánh giá thực trạng việc áp dụng phương pháp định giá tài sản tại các Doanh nghiệp Nhà nước trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, tác giả đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện phương pháp và hoàn thiện việc tổ chức vận dụng phương pháp định giá tài sản của các Doanh nghiệp Nhà nước trong lĩnh vực nông lâm nghiệp.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập số liệu: Tài liệu, số liệu được sử dụng trong bài viết này chủ yếu được kế thừa và tổng hợp từ các nghiên cứu từ thực tiễn, các công trình đã được công bố trên sách, báo, tạp chí và các ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan.

- Phương pháp xử lý số liệu: Số liệu trong bài báo được xử lý bằng các phương pháp thống kê kinh tế, các phương pháp xác định giá trị tài sản. Bài báo cũng được tham vấn ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính kế toán, nông nghiệp, nông thôn.

- Phương pháp xác định giá trị tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn theo Nghị định số 59/2011/NĐ - CP ngày 18/7/2011.

Theo Nghị định số 59/2011/NĐ - CP ban hành ngày 18 tháng 7 năm 2011 thì có 2 phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp đó là phương pháp tài sản và phương pháp dòng tiền chiết khấu. Nếu doanh nghiệp được định giá theo phương pháp dòng tiền chiết khấu thì không cần thiết phải xác định giá trị tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn của doanh nghiệp. Do đó, các phương pháp xác định giá trị tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn chỉ thực hiện trong trường hợp doanh nghiệp được xác định giá trị theo phương pháp tài sản.

Phương pháp tài sản: là phương pháp

xác định giá trị doanh nghiệp trên cơ sở giá trị thực tế của toàn bộ tài sản hữu hình, vô hình của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

Căn cứ để xác định giá trị tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn của doanh nghiệp theo phương pháp tài sản theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 59/2011/NĐ - CP gồm:

+ Báo cáo tài chính, số liệu theo sổ kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

+ Tài liệu kiểm kê, phân loại và đánh giá chất lượng tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp.

+ Giá thị trường của tài sản tại thời điểm tổ chức định giá.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thực trạng công tác xác định giá trị doanh nghiệp trong quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực nông lâm nghiệp

Công cuộc cổ phần hóa các doanh nghiệp nông lâm nghiệp nhà nước được thực hiện theo Nghị quyết số 28/NQ-TW, ngày 16-6-2003 của Bộ Chính trị về chủ trương thí điểm cổ phần hóa vườn cây, rừng trồng, đàn gia súc gắn với cổ phần hóa cơ sở chế biến; Nghị định số 170/2004/NĐ-CP, ngày 22-9-2004 và Nghị định số 200/2004/NĐ-CP, ngày 3-12-2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới nông, lâm trường quốc doanh đã thu được những thành tựu đáng kể. Đến nay, trên phạm vi cả nước đã có 26 nông, lâm trường thực hiện cổ phần hóa vườn cây, rừng trồng gắn với cổ phần hóa cơ sở chế biến. Nếu tính cả các công ty đã cổ phần hóa trước đó thì cả nước hiện có 32 đơn vị đã cổ phần hóa, thuộc các ngành nghề khác nhau của Trung ương và địa phương. Trong đó có 12 đơn vị trồng và chế biến chè; 4 đơn vị trồng, chế biến cao su; 7 đơn vị chăn nuôi; 6 đơn vị trồng, chế biến rau quả và cây hàng năm; 2 đơn vị trồng rừng và chế biến lâm sản;

1 đơn vị giống nông, lâm nghiệp và 1 đơn vị nuôi trồng thủy sản.

Theo kết quả khảo sát và báo cáo của 32 nông, lâm trường quốc doanh đã thực hiện cổ phần hóa, tuy còn có sự khác nhau về thời điểm triển khai, về ngành nghề sản xuất, kinh doanh, nhưng kết quả đạt được đã khẳng định chủ trương thí điểm cổ phần hóa vườn cây, rừng trồng, đàn gia súc gắn với cổ phần hóa cơ sở chế biến, để tổng kết rút ra bài học và nhân rộng là hoàn toàn đúng đắn. Trên thực tế, thực hiện cổ phần hóa các nông, lâm trường đã đem lại những kết quả đáng mừng, không chỉ duy trì mà còn phát triển sản xuất tốt; năng suất cây trồng, vật nuôi đều tăng qua các năm; vốn nhà nước tại các doanh nghiệp được bảo toàn và phát triển; hiệu quả sản xuất kinh doanh tăng; quản trị doanh nghiệp từng bước thay đổi; lao động, việc làm và thu nhập tăng....

Bên cạnh những thành tựu đạt được như trên thì tiến trình sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa các doanh nghiệp nông lâm nghiệp còn nhiều vướng mắc về thoái vốn, quản lý đất đai, vốn vay ODA.... Đặc biệt, có nhiều doanh nghiệp còn lúng túng khi lựa chọn và áp dụng phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp. Điều này đã gây ra những chệch lệch không nhỏ cho tiến trình cổ phần hóa nông lâm trường. Nhưng bên cạnh nguyên nhân khách quan còn có phần chủ quan, khi nhiều doanh nghiệp chưa thực sự chủ động và chỉ đạo quyết liệt cổ phần hóa, thậm chí có tư tưởng chờ đợi. Vì vậy, sau 10 năm đổi mới số lượng các doanh nghiệp nông lâm nghiệp đã cổ phần hóa chưa nhiều so với số lượng gần 300 doanh nghiệp nông lâm nghiệp trong cả nước. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kế hoạch đặt ra cho ngành này trong năm 2012 là sắp xếp, đổi mới 16 đơn vị, trong đó CPH 11 đơn vị, tái cơ cấu tài chính để chuyển thành công ty cổ phần 3 đơn vị, và sáp nhập 2 công ty vào Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam. Nhưng trong năm vừa qua, ngoài

sáp nhập 2 công ty đã hoàn thành theo kế hoạch, 2/3 số đơn vị thuộc diện tái cơ cấu tài chính để chuyển thành công ty cổ phần chưa đủ điều kiện tái cơ cấu.

Do đó, để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp Chính phủ cần phê duyệt cơ chế đặc thù cho phép xử lý các khoản nợ ODA đối với các doanh nghiệp thuộc Bộ để tạo điều kiện cho việc xác định giá trị doanh nghiệp, thực hiện lộ trình cổ phần hóa cũng như tái cơ cấu tài chính doanh nghiệp. Đồng thời Bộ Tài chính cần sớm ban hành các quy định, cơ chế thuộc lĩnh vực tài chính theo Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ và trình Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định 59 để tháo gỡ khó khăn về phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp phục vụ cho cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước và bán cổ phần lần đầu...

2. Thực trạng áp dụng các phương pháp xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp nhà nước trong sản xuất nông lâm nghiệp

2.1. Thực trạng vận dụng phương pháp xác định giá trị tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp nhà nước trong sản xuất nông lâm nghiệp

Qua kết quả khảo sát, điều tra ở các nông lâm trường cho thấy các nông lâm trường chủ yếu xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản

Về giá trị tài sản ngắn hạn bao gồm tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn. Số liệu chi tiết về giá trị tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn tại các doanh nghiệp thường được tổng hợp từ bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp cuối niên độ kế toán theo mẫu số B01 - DN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC, ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC) gần nhất với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và một số doanh nghiệp có tính toán lại cho phù hợp với Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp:

- *Đối với các khoản vốn bằng tiền và tương đương tiền*

Vốn bằng tiền gồm tiền mặt, tiền gửi và các giấy tờ có giá (tín phiếu, trái phiếu...) của doanh nghiệp. Đối với tiền mặt và tiền gửi ngân hàng thì căn cứ vào số dư nợ của tài khoản tiền mặt (TK 111) và tài khoản tiền gửi ngân hàng (TK 112) để xác định giá trị tài sản là phù hợp. Tuy nhiên, đối với số dư các khoản ngoại tệ được đánh giá căn cứ vào tỷ giá cuối niên độ sẽ không phản ánh đúng giá trị của các tài sản là ngoại tệ nếu như thời điểm định giá doanh nghiệp không vào thời điểm cuối niên độ. Đối với các giấy tờ có giá theo quy định phải được định giá theo giá trị thị trường tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp nhưng trên thực tế các doanh nghiệp lại dựa vào giá trị ghi sổ của các giấy tờ có giá. Giá trị này được xác định theo nguyên tắc giá gốc như vậy sẽ không phản ánh giá trị thực tế của các giấy tờ có giá khi tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp nếu giá trị thị trường của các giấy tờ có giá đó thay đổi so với giá trị ghi sổ.

- *Các khoản phải thu ngắn hạn*

Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, các khoản bồi thường về vật chất do các cá nhân trong và ngoài doanh nghiệp gây ra. Đối với các khoản phải thu qua điều tra cho thấy các doanh nghiệp cũng chưa chú trọng đến việc phân loại các khoản nợ phải thu để xác định các khoản phải thu ngắn hạn cần phải thu hồi trước khi xác định giá trị doanh nghiệp và các khoản phải thu không có khả năng thu hồi để loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp cho phù hợp với quy định. Mặt khác, có những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xin khoan nợ vẫn không được một số nông lâm trường đưa vào để xác định giá trị doanh nghiệp, là một khoản thất thoát, thiệt hại cho ngân sách nhà nước.

- *Đối với chỉ tiêu hàng tồn kho:* Hầu hết các lâm trường đều đưa giá trị rừng chưa đến tuổi

khai thác vào chỉ tiêu hàng tồn kho như vậy là không phù hợp vì rừng chưa đến tuổi khai thác có những đặc thù khác so với các sản phẩm dở dang, thành phẩm, hàng hóa tồn kho sản xuất thông thường do thời gian đầu tư vào rừng trồng kéo dài, phải đầu tư chi phí nhiều năm nên cần phải tách ra và theo dõi riêng. Mặt khác, doanh nghiệp cũng phải phân loại và theo dõi riêng diện tích rừng trồng đã đến tuổi khai thác và diện tích rừng trồng chưa đến tuổi khai thác để thực hiện các phương pháp tính toán và xác định giá trị rừng trồng cho phù hợp.

- *Đối với các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:* Nhìn chung các nông lâm trường không phát sinh nhiều các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn nên cũng chưa chú trọng đến việc xác định giá trị của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn theo quy định của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP mà chủ yếu dựa vào số liệu theo dõi trên sổ kế toán để xác định giá trị của các khoản đầu tư. Các doanh nghiệp chưa căn cứ vào giá trị thị trường cũng như khả năng thu hồi của các khoản đầu tư tại thời điểm định giá để định xác định lại giá trị của các khoản vốn đầu tư đó.

2.2. Thực trạng vận dụng các phương pháp xác định giá trị tài sản dài hạn của doanh nghiệp nhà nước trong sản xuất nông lâm nghiệp

- *Đối với tài sản cố định hữu hình là các tài sản hiện vật:*

Đối với tài sản cố định hữu hình là các tài sản hiện vật, các doanh nghiệp chưa có sự phân loại các tài sản này thành các tài sản cố định chưa khấu hao hết và những tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng. Việc đánh giá lại tài sản cố định theo giá thị trường ở hầu hết các doanh nghiệp cũng không thực hiện được vì các tài sản cố định sử dụng ở các nông lâm trường đa số là những tài sản cố định cũ đã được đầu tư nhiều năm, đến thời điểm đánh giá lại trên thị trường không có tài sản cố định như vậy.

Các doanh nghiệp vẫn chủ yếu sử dụng giá trị ghi sổ của tài sản cố định để đánh giá. Vì vậy, có những tài sản cố định mặc dù đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng vào sản xuất kinh doanh được doanh nghiệp đánh giá bằng không theo giá trị còn lại trên sổ sách kế toán. Trong khi đó, nếu đánh giá lại những tài sản cố định này theo quy định của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP thì giá trị đánh giá lại không thấp hơn 20% giá trị tài sản mua mới.

Việc sử dụng phương pháp tài sản để xác định giá trị của hầu hết các nông lâm trường là đúng theo quy định Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính đồng thời nó phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Tuy nhiên, trên thực tế phương pháp này còn tồn tại một số vấn đề như sau:

Việc xác định giá trị tài sản là hiện vật (tài sản hữu hình) chỉ xác định giá những tài sản mà công ty cổ phần tiếp tục sử dụng. Giá trị thực tế của tài sản được tính theo công thức:

Giá trị thực tế của tài sản = Nguyên giá tính theo giá thị trường x Chất lượng còn lại của tài sản tại thời điểm thẩm định giá

Về nguyên giá: Đối với tài sản là máy móc, thiết bị, theo quy định bắt buộc phải đánh giá lại nguyên giá tại thời điểm xác định giá. Trong trường hợp tài sản là dây chuyền sản xuất rất lạc hậu về công nghệ, hiện tại không còn được sản xuất, lưu thông trên thị trường và cũng không có tài sản so sánh tương đương thì được xác định theo nguyên giá tài sản ghi trên sổ kế toán. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, giá trị tài sản trên sổ kế toán lại rất cao, bất hợp lý do tài sản đã được đánh giá lại nguyên giá nhiều lần bởi chênh lệch về tỷ giá theo quy định của Nhà nước trong chế độ kế toán trước đây.

Về chất lượng còn lại: Chất lượng còn lại của tài sản được đánh giá theo hướng dẫn của

Bộ quản lý của các ngành kinh tế kỹ thuật. Trên thực tế, các Bộ, ngành kinh tế kỹ thuật thường có khung đánh giá cho tài sản còn đủ điều kiện vận hành tham gia vào sản xuất cao hơn tỷ lệ 20%, như vậy thì chất lượng của tài sản dù thế nào khi được đưa vào cổ phần hóa cũng không thấp hơn 20%. Đối với những doanh nghiệp có tài sản được hình thành trong thời kỳ bao cấp, cách đây 15-20 năm, dây chuyền thiết bị đã cũ kỹ, lạc hậu nhưng khi tiến hành cổ phần hóa nếu loại ra hết tài sản sẽ không còn có thiết bị để đưa vào cổ phần hóa.

Như vậy về chất lượng, các doanh nghiệp phải chấp nhận chất lượng của các tài sản cũ kỹ, lạc hậu; nhưng về nguyên giá lại phải sử dụng giá trên sổ sách kế toán ở mức quá cao. Kết quả là giá trị của tài sản đánh giá theo phương pháp tài sản là cao bất hợp lý, không phù hợp với giá trị thực tế hiện tại của tài sản.

- Đối với tài sản cố định là các cây trồng:

Đối với các doanh nghiệp có tài sản cố định là vườn cây cà phê, cây chè thì việc xác định giá trị vườn cây vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc.

Việc phân loại vườn cây thành vườn cây xây dựng cơ bản và vườn cây kinh doanh còn khó thực hiện do diện tích của hai loại cây này thường đan xen vào nhau. Vì trên thực tế, việc trồng mới và thay thế diện tích vườn cây cũ được thực hiện đan xen và lẫn lộn khi vườn cây cũ cỗi đi và cho năng suất thấp. Mặt khác, thời gian bắt đầu đầu tư cũng như thời gian bắt đầu đi vào khai thác vườn cây cũng diễn ra ở nhiều thời điểm khác nhau liên quan đến nhiều diện tích vườn cây khác nhau. Vì vậy, việc theo dõi trở nên khó khăn cho những doanh nghiệp có diện tích vườn cây lớn và được trồng cách đây nhiều năm.

Trong số các tài sản của doanh nghiệp thì vườn cây (cây chè, cà phê kinh doanh) là một tài sản cố định hữu hình đặc biệt, việc

xác định nguyên giá và giá trị hao mòn của nó có sự khác biệt với các loại tài sản khác. Theo quy định của Bộ Tài chính thì cây chè kinh doanh được phân loại là tài sản cố định hữu hình, thời gian sử dụng từ 6 đến 40 năm và tính khấu hao đều theo số năm sử dụng.

Để có thể xác định đúng giá trị vườn chè: cần thực hiện xác định chính xác thời gian trồng và đưa vào sử dụng của từng ha chè; các diện tích chè khác nhau sẽ được trồng ở các khu đất có điều kiện tự nhiên, đất đai khác nhau nên chi phí, năng suất, sản lượng và nhiều yếu tố khác sẽ có chênh lệch lớn; việc xác định giá trị vườn chè ở một số doanh nghiệp ví dụ như Công ty Cổ phần chè Văn Hưng - Yên Bái đã thực hiện thực chất là đánh giá giá trị một phần nhỏ diện tích chè và suy ra giá trị của toàn bộ diện tích do doanh nghiệp quản lý dựa trên những tiêu chí đơn giản và chưa đầy đủ nên sẽ thiếu chính xác.

Đối với vườn chè xây dựng cơ bản ở một số doanh nghiệp như công ty chè Sông Lô - Tuyên Quang đã căn cứ vào suất đầu tư ban đầu theo giá trị tại thời điểm định giá để xác định nguyên giá vườn chè và có sự phân biệt vườn chè trồng bằng hạt và vườn chè trồng bằng cành. Khi vườn chè đi vào kinh doanh thì giá trị vườn chè được xác định căn cứ vào số năm đã sử dụng kinh doanh thu hoạch chè, hệ số phân loại chè, hệ số phân loại đất, hệ số vị trí địa lý và hệ số chu kỳ khai thác.

Qua tìm hiểu thực tế ở một số nông lâm trường cho thấy giá trị vườn chè phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố không phải cứ vườn chè trồng lâu năm thì có giá trị ít cũng không phải cứ vườn chè có diện tích lớn thì có giá trị cao mà nó còn phụ thuộc vào năng suất, mật độ, vị trí địa lý. Như vậy, muốn xác định giá trị vườn chè cần phải xác định rất nhiều yếu tố nên rất khó khăn và phức tạp.

Tương tự vườn cây chè, vườn cây cao su, cây cà phê là một tài sản cố định hữu hình đặc

biệt, việc xác định nguyên giá và giá trị hao mòn của nó có sự khác biệt với các loại tài sản khác. Theo quy định của Bộ Tài chính, cây cà phê, cao su được phân loại là tài sản cố định hữu hình, thời gian sử dụng từ 4 đến 25 năm và tính khấu hao đều theo số năm sử dụng.

Qua kết quả khảo sát ở một số nông lâm trường cho thấy riêng khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện theo Công văn số 1937/BTC-TCĐN ngày 09/02/2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính về việc: Trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ - CSVN ngày 27/4/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc Ban hành tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm.

Đối với vườn cây cao su các doanh nghiệp vẫn chưa thực hiện tốt việc kiểm kê phân loại vườn cây thành vườn cây xây dựng cơ bản và vườn cây kinh doanh theo diện tích và độ tuổi của vườn cây.

Do đó, đối với vườn cây cao su xây dựng cơ bản thì suất đầu tư vào vườn cây vẫn được các doanh nghiệp tính đều cho tất cả diện tích vườn cây xây dựng cơ bản như vậy là chưa phù hợp với quy định cũng như thực tế đầu tư. Nếu đầu tư vào vườn cây bằng các hình thức khác nhau như đầu tư trồng mới và đầu tư tái canh thì suất đầu tư vào cây cao su xây dựng cơ bản cũng khác nhau. Mặt khác, chi phí đầu tư vào vườn cây cao su hiện nay vẫn được các doanh nghiệp theo dõi trên TK241 theo dõi chung với chi phí đầu tư xây dựng cơ bản các tài sản khác là chưa hợp lý vì vườn cây xây dựng cơ bản nói chung và vườn cây cao su xây dựng cơ bản có nhiều đặc thù riêng cần phải được theo dõi riêng với các tài sản khác, có như vậy giá trị đầu tư vào vườn cây mới được tính vào giá trị doanh nghiệp một cách chính xác.

Trước khi Thông tư 132/2011/TT -BTC

ngày 29/9/2011 ra đời thì các doanh nghiệp gặp không ít những khó khăn vướng mắc khi xác định giá trị vườn cây. Thông tư 132/2011/TT -BTC ra đời đã tháo gỡ những vướng mắc trong thúc đẩy tiến trình cổ phần hóa, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi tiến hành cổ phần hóa mà còn nâng cao giá trị tài sản từ cây cao su. Giá bán gỗ thanh lý vườn cây cao su 6 tháng đầu năm 2011 đạt trên 250 triệu đồng/ha, trong khi suất đầu tư Nhà nước đối với vườn cây cao su là 80 triệu đồng/ha. Do đó, quy định xác định giá trị thực tế vườn cây đang kinh doanh là tính thêm giá trị thanh lý khi hết thời gian khai thác là để khắc phục thất thoát tài sản nhà nước khi cổ phần hóa doanh nghiệp.

Tuy nhiên, do thông tư 132/2011/TT -BTC mới ra đời nên trên thực tế ở hầu hết các doanh nghiệp đã thực hiện định giá doanh nghiệp thì khi xác định giá trị vườn cây cao su đều không đưa giá trị thanh lý vườn cây vào để xác định giá trị của vườn cây kinh doanh. Như vậy, sẽ làm giảm giá trị doanh nghiệp và gây thất thoát vốn ngân sách nhà nước do chưa tính đến giá trị tận thu từ việc thanh lý cây cao su vào giá trị doanh nghiệp.

3. Một số ý kiến đề xuất góp phần hoàn thiện phương pháp xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp nhà nước trong sản xuất nông lâm nghiệp

- Đối với các khoản vốn bằng tiền:

Đối với tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ các doanh nghiệp phải thực hiện đánh giá giá trị các khoản ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm định giá.

Đối với các chứng từ có giá phải thực hiện đánh giá lại giá trị của các chứng từ này theo quy định.

- Đối với các khoản phải thu:

Do khả năng đòi nợ các khoản này có thể ở nhiều mức độ khác nhau. Vì vậy, doanh nghiệp cần phải đối chiếu công nợ, xác minh tính pháp

lý, đánh giá độ tin cậy của từng khoản phải thu để thực hiện:

Phân loại các khoản nợ thành nợ có khả năng thu hồi, không có khả năng thu hồi, nợ khó đòi đã được khoanh tính đến thời điểm định giá doanh nghiệp.

Đối với các khoản nợ không có khả năng thu hồi thì không được tính vào giá trị doanh nghiệp.

Các khoản nợ khó đòi đã được xin khoanh nợ cần phải được tính vào giá trị doanh nghiệp.

Cần rà soát các hợp đồng kinh tế để xác định các khoản đã trả trước cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ nhưng đã hạch toán toàn bộ giá trị trả trước vào chi phí kinh doanh như: tiền thuê nhà, tiền thuê đất, tiền mua hàng, tiền mua bảo hiểm dài hạn, tiền lương, tiền công...

- Đối với hàng tồn kho:

Cần phải thực hiện phân loại và tổ chức theo dõi riêng (bằng cách mở tài khoản mới để theo dõi) đối với hàng tồn kho là thành phẩm, các sản phẩm dở dang đặc thù của sản xuất nông nghiệp như cây giống, cây trồng đang trong giai đoạn gây giống, đầu tư chăm sóc chưa đến kỳ thu hoạch để có thể áp dụng các phương pháp xác định trị giá vốn hàng tồn kho thích hợp.

Đối với hàng tồn kho là các sản phẩm dở dang như rừng trồng đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản thì doanh nghiệp phải thực hiện việc phân loại vườn cây theo nhiều tiêu chí như độ tuổi, vị trí địa lý, chất lượng và phải định giá căn cứ vào suất đầu tư. Để làm tốt điều này thì các doanh nghiệp cần phải theo dõi và xác định được chi phí đầu tư cho từng loại rừng trồng theo thời gian. Sau đó, căn cứ vào những quy định hiện hành như Nghị định 59/2011/NĐ-CP và căn cứ vào hệ số phân loại vườn cây do cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định giá trị rừng trồng cho phù hợp. Đối

với rừng trồng được đầu tư trong nhiều năm thì cần phải sử dụng phương pháp dòng tiền chiết khấu để tính suất đầu tư.

- *Đối với tài sản cố định hữu hình:*

Đối với các tài sản cố định hữu hình là tài sản hiện vật thì các doanh nghiệp cần phân loại thành tài sản cố định thành đang dùng thuộc sở hữu doanh nghiệp, tài sản cố định không thuộc sở hữu của doanh nghiệp như tài sản đi mượn, đi thuê, nhận góp vốn liên doanh liên kết.

Đối với các tài sản cố định đã thu hồi đủ vốn hay phân bổ hết giá trị vào chi phí kinh doanh nhưng công ty cổ phần tiếp tục sử dụng phải đánh giá lại những tài sản cố định theo phương pháp so sánh với giá trị thị trường của những tài sản cố định hữu hình mới cùng loại chứ không nên quy định cứng nhắc là giá trị định giá lại của những tài sản này không được thấp hơn 20% so với giá tài sản mới. Nếu tài sản cố định đó quá cũ trên thị trường không có tài sản cố định mới cùng loại tương ứng thì có thể căn cứ vào năng lực của tài sản thông qua công suất hoạt động của tài sản như số giờ hoạt động, số lượng sản phẩm sản xuất trong năm để định giá tài sản, giá trị thanh lý tài sản cố định có khả năng thu hồi để định giá lại giá trị tài sản.

Đối với tài sản cố định hữu hình là vườn cây, là các sản phẩm dở dang như rừng trồng đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản thì doanh nghiệp phải thực hiện việc phân loại vườn cây theo nhiều tiêu chí như độ tuổi, vị trí địa lý, chất lượng và phải định giá căn cứ vào suất đầu tư. Để làm tốt điều này thì các doanh nghiệp cần phải theo dõi và xác định được chi phí đầu tư cho từng loại rừng trồng theo thời gian. Sau đó, căn cứ vào những quy định hiện hành như Nghị định 59/2011/NĐ-CP và căn cứ vào hệ số phân loại vườn cây do cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định giá trị rừng trồng cho phù hợp. Đối với vườn

cây được đầu tư trong nhiều năm thì cần phải sử dụng phương pháp dòng tiền chiết khấu để tính suất đầu tư.

- *Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn:*

Cần có những quy định về định giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn một cách cụ thể hơn cho doanh nghiệp bởi vì giá trị của các khoản đầu tư tài chính dài hạn không chỉ gói gọn ở giá trị của các khoản đầu tư ở thời điểm hiện tại mà còn phụ thuộc rất nhiều vào khả năng sinh lời của các khoản đầu tư cũng như kỳ vọng của doanh nghiệp vào khoản đầu tư đó trong tương lai. Giá của một loại cổ phiếu nào đó mà doanh nghiệp đầu tư bị giảm xuống không có nghĩa là giá trị khoản vốn đầu tư của doanh nghiệp đã bị giảm ngay vì giá cổ phiếu của một doanh nghiệp bên cạnh chịu tác động bởi kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà còn chịu tác động rất lớn bởi quan hệ cung-cầu trên thị trường. Vì thế giá cổ phiếu biến động mang tính thời điểm nó chỉ nên sử dụng như là một nhân tố ảnh hưởng để đánh giá giá trị của khoản vốn đầu tư. Hơn nữa, mục đích của doanh nghiệp định giá khoản vốn đầu tư bằng cổ phiếu không phải là để bán chúng ra thị trường ngay ở thời điểm định giá. Do đó, cần phải căn cứ vào khả năng sinh lời của cổ phiếu trong tương lai và mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp để định giá chứ không nên chỉ căn cứ vào giá thị trường của cổ phiếu ở thời điểm hiện tại.

IV. KẾT LUẬN

Xác định giá trị tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn một cách đầy đủ và chính xác là một trong những mục tiêu quan trọng nhằm hoàn thiện công tác xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản phục vụ cho tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước nông lâm nghiệp. Qua việc nghiên cứu thực trạng công tác xác định giá trị doanh nghiệp tác giả đưa ra

một số kết luận sau:

+ Đối với các khoản vốn bằng tiền doanh nghiệp cần phải thực hiện đánh giá lại ngoại tệ và các chứng từ có giá theo quy định tại thời điểm định giá.

+ Đối với các khoản phải thu doanh nghiệp cần phải đối chiếu công nợ, xác minh tính pháp lý, đánh giá độ tin cậy của từng khoản phải thu để thực hiện phân loại các khoản thu để có biện pháp xử lý cho phù hợp.

+ Đối với hàng tồn kho cần phải mở tài khoản theo dõi riêng đối với hàng tồn kho là sản phẩm dở dang hay thành phẩm đặc thù của

doanh nghiệp nông lâm nghiệp

+ Đối với tài sản cố định hữu hình cần phải phân loại và đánh giá lại tài sản cố định theo giá trị thị trường. Đối với tài sản cố định được hình thành trong doanh nghiệp nông lâm nghiệp như vườn cây lâu năm, súc vật cho sản phẩm cần căn cứ vào suất đầu tư để xác định giá trị của TSCĐ

+ Cần phải có quy định cụ thể hơn để xác định giá trị của các khoản đầu tư dài hạn bởi vì nếu chỉ căn cứ vào thị giá cổ phiếu tại thời điểm định giá là chưa hợp lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ nông nghiệp & phát triển nông: Cổng thông tin điện tử <www.agroviet.gov.vn>
2. Bộ tài chính: Thông tư 132/2011/TT -BTC ngày 29/9/2011; Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013
3. Chính phủ: Cổng thông tin điện tử [<http://www.chinhphu.vn>]
4. Chính phủ: Nghị định Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011
5. Phạm Quốc Doanh (2013), *Cổ phần hóa nông lâm trường quốc doanh và vấn đề quản lý, sử dụng đất đai*. [<http://www.tapchicongsan.org.vn>].
6. Vũ Duy Hưng (2013), *Sau 10 năm sắp xếp đổi mới nông lâm trường quốc doanh vẫn còn nhiều việc phải làm*. [<http://ipsard.gov.vn/news/newsdetail.aspx?targetid=8002>].

PERFECT METHOD OF DETERMINING THE VALUE OF SHORT – TERM AND LONG - TERM ASSET OF THE STATE ENTERPRISES IN THE FORESTRY AND AGRICULTURE

Dao Lan Phuong

SUMMARY

Valuation of businesses including property valuation Short term, long term asset plays an important role and determine the success of the equitization of state-owned enterprises. Practices in recent times that the process of applying the current method for determining the value of assets in the agricultural and forestry enterprises are facing many state difficult, embarrassing. One of the difficulties is that because these assets have different characteristics such as time forming lasting assets, under the influence of natural conditions, many older properties, backward, ... Through the study of the process of property valuation Short term, long-term assets of the agricultural and forestry enterprises by Decree No. 59/2011/ND - CP of the Government dated 18/7/2011 authors have pointed out the successful, the existing problems in this work and give some opinions and suggestions contributed to improve and perfect the methods of applying the method of determining the value of current assets, long-term assets in the state-owned enterprises in the agriculture and forestry sectors.

Keywords: *Agricultural and forestry enterprises, Long-term assets, Pricing, Short-term asset*

Người phản biện: PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn

Ngày nhận bài: 30/7/2013

Ngày phản biện: 01/9/2013

Ngày quyết định đăng: 20/9/2013